

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 07/9/2020 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 29/8/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 144 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 29/8/2020.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2020 của

Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT01	Nông Tuấn Anh	18/03/2000	Quảng Ninh	Nam	Tày	6,5	8,0	Đạt
2	CNTT02	Hoàng Thị Minh Ánh	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	7,0	Đạt
3	CNTT03	Hoàng Trọng Bảo	05/06/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	5,0	Đạt
4	CNTT04	Bàn Văn Chiến	12/09/2000	Bắc Giang	Nam	Dao	5,0	5,0	Đạt
5	CNTT05	Vi Thị Chuyên	20/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
6	CNTT09	Trần Bá Giang	21/08/1977	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt
7	CNTT10	Nguyễn Thị Thu Hà	01/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
8	CNTT12	Nguyễn Ngọc Hải	05/08/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	7,5	Đạt
9	CNTT13	Nguyễn Văn Hải	06/02/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt
10	CNTT14	Ngô Thị Hạnh	02/02/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
11	CNTT15	Phạm Công Hào	27/07/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt
12	CNTT16	Trần Hữu Hiền	08/08/1966	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,5	Đạt
13	CNTT18	Chu Thị Huệ	18/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
14	CNTT19	Hà Huy Hùng	25/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt
15	CNTT20	Nguyễn Thanh Hương	24/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	Đạt
16	CNTT21	Phạm Ngọc Lâm	17/09/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,0	Đạt
17	CNTT22	Đỗ Mai Linh	05/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt
18	CNTT23	Trần Thị Ái Linh	03/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
19	CNTT25	Nguyễn Tuấn Mạnh	04/08/1999	Hà Nam	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
20	CNTT27	Phan Thị Nga	15/11/2000	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	8,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
21	CNTT28	Đỗ Thị	Ngân	29/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
22	CNTT29	Hoàng Giang	Nghĩa	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	Tày	8,2	5,0	Đạt
23	CNTT30	Nguyễn Hồng	Nhung	17/09/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	5,0	Đạt
24	CNTT32	Vi Văn	Phúc	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	6,5	Đạt
25	CNTT33	Trần Thu	Phương	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,0	5,5	Đạt
26	CNTT34	Vi Thị	Phượng	18/05/2000	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,5	9,0	Đạt
27	CNTT36	Lê Thị	Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	8,0	Đạt
28	CNTT38	Hà Anh	Son	11/12/2000	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
29	CNTT39	Nguyễn Hồng	Son	22/11/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,0	5,0	Đạt
30	CNTT40	Đào Thị Thanh	Thảo	14/11/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
31	CNTT41	Trương Tuấn	Thảo	06/12/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt
32	CNTT42	Nguyễn Hữu	Thắng	27/01/1976	Hà Nội	Nam	Kinh	5,2	7,0	Đạt
33	CNTT43	Nguyễn Văn	Thuật	21/06/1999	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,0	Đạt
34	CNTT45	Nông Văn	Toản	13/07/1996	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
35	CNTT46	Nguyễn Văn	Tới	23/05/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	7,0	Đạt
36	CNTT47	Tạ Thị Minh	Trang	02/02/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,5	Đạt
37	CNTT49	Chu Bá	Tuyển	22/07/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt
38	CNTT50	Trần Thanh	Tuyển	11/04/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt
39	CNTT51	Nguyễn Văn	Tuyển	06/12/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt
40	CNTT53	Dương Thị	Bách	08/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
41	CNTT54	Trần Thị	Chinh	05/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
42	CNTT55	Trần Thị	Chuyên	05/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
43	CNTT56	Bùi Thị	Dền	28/04/1990	Hòa Bình	Nữ	Mường	7,2	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
44	CNTT57	Hoàng Thị	Giang	24/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
45	CNTT58	Hoàng Thị	Hà	09/04/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
46	CNTT59	Lê Thị	Hà	27/02/1991	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	8,7	6,5	Đạt
47	CNTT60	Nguyễn Thị	Hà	08/08/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
48	CNTT62	Phạm Thị	Hậu	27/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
49	CNTT63	Tô Thị	Hậu	19/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
50	CNTT64	Hoàng Thị	Hiên	22/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
51	CNTT65	Hoàng Thị Thu	Hiên	30/10/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
52	CNTT66	Trần Thị	Hiên	19/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
53	CNTT67	Hà Thị	Hiên	24/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
54	CNTT68	Như Thị	Huyền	06/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
55	CNTT69	Nguyễn Thị	Hương	02/10/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
56	CNTT71	Phạm Thị	Hường	01/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
57	CNTT72	Hoàng Thị	Lan	05/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	9,0	Đạt
58	CNTT73	Lê Thị	Lan	04/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
59	CNTT74	Tường Thị Ngọc	Liên	12/12/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
60	CNTT75	Nguyễn Thị	Linh	03/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
61	CNTT76	Nguyễn Thị Kim	Loan	26/03/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
62	CNTT77	Hoàng Thị	Luyện	08/06/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
63	CNTT78	Dương Thị	Mến	08/01/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
64	CNTT80	Nguyễn Thị	Mơ	19/01/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
65	CNTT81	Vũ Thị	Mùi	15/12/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
66	CNTT82	Trần Ly	Na	10/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
67	CNTT83	Nguyễn Thị	Ngát	23/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
68	CNTT84	Ngô Thị Thúy	Ngân	31/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
69	CNTT85	Lê Thị	Ngọc	16/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
70	CNTT86	Nguyễn Thị	Ngọc	05/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
71	CNTT87	Lê Thị Lan	Nhi	27/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
72	CNTT88	Hoàng Thị	Nơi	01/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,7	7,0	Đạt
73	CNTT89	Hà Kiều	Oanh	09/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
74	CNTT90	Hoàng Thị Minh	Phương	02/09/1976	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	6,5	Đạt
75	CNTT91	Vũ Thị	Phương	01/01/1997	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	7,5	Đạt
76	CNTT92	Vũ Thị	Phương	06/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
77	CNTT93	Trần Thị	Quyên	14/08/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
78	CNTT95	Lê Thị	Sinh	13/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
79	CNTT96	Nguyễn Thị	Tâm	18/06/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
80	CNTT97	Ngô Thị	Thắm	06/02/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt
81	CNTT98	Vũ Đình	Thi	24/04/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
82	CNTT100	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
83	CNTT101	Vũ Thị Diệu	Thúy	23/07/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
84	CNTT102	Nguyễn Thị	Thùy	19/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
85	CNTT103	Nguyễn Thu	Thuyên	17/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
86	CNTT104	Phạm Thị	Tuyết	28/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
87	CNTT105	Nguyễn Thị	Uyên	24/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
88	CNTT106	Phùng Thị Thúy	Vân	28/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
89	CNTT109	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/04/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
90	CNTT110	Nông Thị Yến	07/06/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt
91	CNTT111	Trần Thị Ngọc Ánh	07/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
92	CNTT112	Nguyễn Thị Cúc	18/10/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
93	CNTT113	Nguyễn Thu Cúc	30/08/1995	Hà Nam	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
94	CNTT114	Trần Thị Duyên	25/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
95	CNTT115	Tạ Văn Dự	14/09/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
96	CNTT116	Nguyễn Thị Đề	02/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
97	CNTT117	Nguyễn Văn Đông	13/08/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
98	CNTT118	Phùng Trung Đức	11/12/1996	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,0	7,5	Đạt
99	CNTT119	Vũ Hà Giang	03/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
100	CNTT120	Nguyễn Ngọc Hà	18/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
101	CNTT121	Nguyễn Thị Hà	03/02/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
102	CNTT122	Nguyễn Thị Hà	26/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
103	CNTT123	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	17/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
104	CNTT124	Nguyễn Thị Hằng	20/05/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
105	CNTT125	Vũ Thị Hằng	19/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
106	CNTT126	Giáp Thị Hiên	20/01/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
107	CNTT127	Thân Thu Hiền	30/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
108	CNTT128	Lưu Thị Hoa	29/09/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
109	CNTT129	Nguyễn Thị Huế	26/11/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
110	CNTT130	Phạm Thị Huệ	15/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
111	CNTT131	Từ Thị Huệ	15/05/1990	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	7,5	Đạt
112	CNTT132	Nguyễn Thị Hương	12/08/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
113	CNTT133	Trần Thị Ngọc	Khánh	17/08/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
114	CNTT134	Nguyễn Văn	Kính	05/05/1975	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
115	CNTT135	Nguyễn Thị	Lành	11/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
116	CNTT136	Ninh Thị Thùy	Liên	08/03/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
117	CNTT137	Đặng Lê Khánh	Linh	17/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
118	CNTT138	Phan Thị Thanh	Loan	15/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
119	CNTT139	Nguyễn Thị	Luân	23/04/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
120	CNTT140	Nguyễn Thị	Mùi	11/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
121	CNTT141	Nguyễn Thị	Nga	10/05/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
122	CNTT142	Phạm Thị	Nga	22/01/1988	Hà Nam	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
123	CNTT143	Hà Thị	Ngân	29/04/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
124	CNTT144	Đặng Thị	Ngân	04/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
125	CNTT145	Nguyễn Thị	Nguyên	18/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
126	CNTT146	Dương Thị Minh	Phương	01/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
127	CNTT147	Hà Văn	Phượng	05/10/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
128	CNTT148	Dương Thị	Thanh	10/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
129	CNTT149	Ngô Thị	Thảo	01/07/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
130	CNTT150	Nguyễn Thị	Thơm	11/04/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
131	CNTT151	Ngô Thị Thanh	Thúy	01/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
132	CNTT152	Trần Thị Thu	Thủy	02/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	7,5	Đạt
133	CNTT153	Trương Thị	Thương	22/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
134	CNTT154	Phạm Hương	Trà	21/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt
135	CNTT155	Khổng Thị Minh	Trang	03/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
136	CNTT156	Trần Thùy	Trang	01/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	Đạt
137	CNTT157	Phạm Văn	Trường	08/08/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
138	CNTT159	Nguyễn Thị	Tuyết	22/10/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt
139	CNTT160	Vũ Thị	Tuyết	25/09/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	Đạt
140	CNTT161	Tô Thị Tố	Uyên	25/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt
141	CNTT162	Đào Thị Cẩm	Vân	07/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	Đạt
142	CNTT163	Giáp Thị	Vui	10/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
143	CNTT164	Phùng Thị	Xuyến	10/01/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,5	Đạt
144	CNTT165	Dương Thị Hải	Yến	08/03/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 144./.